

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH



**SONG DA 27**

### CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 28.03.000075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18/11/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/08/2009)*

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

*(Đăng ký niêm yết số: . . . /ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày . . . tháng . . . năm 2010)*

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

#### **1. CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27**

Địa chỉ: 155 Trần Phú, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh  
Điện thoại: 0393.835355 Fax: 0393.836851

#### **2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT**

Trụ sở chính: Tầng 6 – 8, Toà nhà CTM 299 Cầu Giấy - Hà Nội  
Điện thoại: 04.22201592 Fax: 04.22201590

**Chi nhánh HCM:** Tầng 3 Phòng 3A Tòa nhà Bến Thành TSC, số 186 – 188 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08.38251170/72 Fax: 08.38226918

#### **PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim  
Chức vụ: Kế toán trưởng  
Điện thoại: 0393.835355 Fax: 0393.836851

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 28.03.000075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18/11/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/08/2009)



SONG DA 27

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2010)

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 27  
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu  
Tổng số lượng niêm yết: 1.562.833 (Một triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm ba mươi ba) cổ phiếu  
Tổng giá trị niêm yết: 15.628.330.000 (Mười lăm tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

### CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Trụ sở chính: Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 04.39745081/82 Fax: 04.39745083

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT

Trụ sở: Tầng 6, 8 Toà nhà CTM 299 Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: 04.22201592 Fax: 04.22201590

Chi nhánh HCM: Tầng 3 Phòng 3A Tòa nhà Bến Thành TSC, số 186 – 188 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TPHCM

Điện thoại: 08.38251170/72 Fax: 08.38226918

# MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH		Trang
I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1.	Rủi ro về kinh tế	8
2.	Rủi ro về luật pháp	10
3.	Rủi ro đặc thù	11
4.	Rủi ro khác	11
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÁO BẠCH	13
1.	Tổ chức niêm yết	13
2.	Tổ chức tư vấn	13
III.	CÁC KHÁI NIỆM	14
IV.	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27</b>	15
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2.	Cơ cấu bộ máy và tổ chức Công ty	19
3.	Cơ cấu cổ đông và Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập	22
4.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty cổ phần Sông Đà 27, những công ty mà Công ty cổ phần Sông Đà 27 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sông Đà 27	24
5.	Hoạt động kinh doanh của Công ty	24
5.1.	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ năm 2008, 2009 và Quý I năm 2010	24
5.2.	Nguyên vật liệu	26
5.3.	Chi phí sản xuất	28

5.4.	Trình độ công nghệ	29
5.5.	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	30
5.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ	30
5.7.	Hoạt động Marketing	31
5.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền	33
5.9.	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện và các hợp đồng đã ký kết	33
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	34
6.1.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian qua	34
6.2.	Các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	35
7.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	36
7.1.	Vị thế của Công ty	36
7.2.	Triển vọng phát triển ngành	37
8.	Chính sách với người lao động	38
8.1.	Tình hình lao động	38
8.2.	Chính sách với người lao động	39
9.	Chính sách cổ tức	40
10.	Tình hình hoạt động tài chính	40
10.1.	Các chỉ tiêu cơ bản	40
10.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	45
11.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	46
12.	Tài sản	57
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo	59
13.1.	Định hướng chung	59
13.2.	Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong các năm tiếp theo	60
13.3.	Căn cứ thực hiện kế hoạch	61

---

13.4.	Dự án được HĐQT phê duyệt	62
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận cổ tức của Công ty	67
15.	Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty	67
16.	Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng tới giá niêm yết	67
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	68
VI	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	71

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

STT	Tên bảng	Trang
Bảng 01	Quá trình tăng vốn điều lệ	17
Bảng 02	Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 20/04/2010	22
Bảng 03	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	23
Bảng 04	Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 20/04/2010	23
Bảng 05	Doanh thu thuần của Công ty năm 2008, 2009 và Quý I năm 2010	24
Bảng 06	Lợi nhuận gộp của Công ty năm 2008, 2009 và Quý I năm 2010	25
Bảng 07	Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty	26
Bảng 08	Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty	28
Bảng 09	Danh mục máy móc thiết bị của Công ty	29
Bảng 10	Các hợp đồng lớn đang thực hiện	33
Bảng 11	Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua	34
Bảng 12	Phân loại trình độ lao động trong Công ty	38
Bảng 13	Thời gian khấu hao tài sản cố định	41
Bảng 14	Thu nhập bình quân của người lao động năm 2006, 2007, 2008, 2009	41
Bảng 15	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước của Công ty	42
Bảng 16	Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009	42
Bảng 17	Tổng dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2009	43
Bảng 18	Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2008 và 31/12/2009	43

Bảng 19	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	45
Bảng 20	Tình hình tài sản Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009	57
Bảng 21	Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm 2009	58
Bảng 22	Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình năm 2009	59
Bảng 23	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010 – 2012	60
Bảng 24	Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của nhà máy sản xuất gạch Tuynel Vượng Lộc	64
Bảng 25	Giá trị sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2009	69
Biểu số 01	Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam	10
Biểu số 02	Doanh thu thuần của Công ty năm 2008, 2009	25
Biểu số 03	Lợi nhuận gộp của Công ty năm 2008, 2009	26
Biểu số 04	Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 đến 2009	37
Biểu số 05	Cơ cấu trình độ lao động của Công ty	39
Sơ đồ 01	Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty	19
Sơ đồ 02	Sơ đồ công nghệ sản xuất	66

## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Sông Đà 27 là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi... có thể chịu ảnh hưởng từ các nhân tố sau:

#### 1. Rủi ro về kinh tế

Mức độ tăng trưởng của nền kinh tế là một nhân tố quan trọng quyết định sự tăng trưởng của ngành xây dựng đặc biệt là xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Mọi diễn biến của nền kinh tế đều tác động cùng chiều, nhanh chóng và sâu sắc đến ngành này. Một nền kinh tế ổn định và tăng trưởng kéo theo nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà ở, văn phòng, cao ốc... gia tăng nhưng ngược lại, một khi nền kinh tế chậm phát triển hoặc đình trệ sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho toàn ngành, khả năng đầu tư vào các dự án, phương án hoạt động kinh doanh của Công ty trở nên khó khăn hơn do có sự rút lui của những nguồn tài chính dài hạn, sự hợp tác của các đối tác, mức độ tài trợ của các ngân hàng và các định chế tài chính khác cũng trở nên giảm đáng kể so với thời kỳ kinh tế ổn định. Những thay đổi này sẽ nhanh chóng tác động xấu đến doanh thu, lợi nhuận và gây ra những sai lệch lớn so với các dự tính của Công ty.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2007 luôn đạt mức 7-8%. Đặc biệt, năm 2007 tốc độ tăng trưởng đạt 8,44%, mức tăng cao nhất trong vòng 10 trở lại đây. Năm 2008, 2009 tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chỉ đạt 6,23%, 5,32% nhưng trong bối cảnh tài chính thế giới khủng hoảng, kinh tế của nhiều nước suy giảm mà nền kinh tế nước ta vẫn đạt tốc độ tăng trưởng tương đối cao như trên là một cố gắng rất lớn<sup>1</sup>. Theo nhận định của các chuyên gia thì trong những năm tới, Việt Nam có nhiều cơ hội để nhanh chóng vượt qua bão tố khủng hoảng kinh tế thế giới đó là Việt Nam có môi trường chính trị và kinh tế khá ổn định, trong khi đó các nhà đầu tư lớn Châu Âu và

<sup>1</sup> Nguồn: Tổng cục Thống kê



Nhật Bản... đang chuyển hướng chiến lược đầu tư sang Đông Nam Á trong đó rất chú ý đến Việt Nam.

### **Lãi suất:**

Tại thời điểm 31/12/2009, vay và nợ ngắn hạn của Công ty là hơn 33 tỷ đồng, chiếm 24,6% Tổng nguồn vốn; vay và nợ dài hạn hơn 22 tỷ đồng, chiếm 16,67% Tổng nguồn vốn. Do đặc thù của ngành xây lắp, khi tham gia xây dựng những công trình lớn như công trình thủy điện, tỷ lệ vốn vay trên Tổng nguồn vốn luôn ở mức cao. Tỷ lệ nợ vay của Công ty hiện tại được xem là nằm trong mặt bằng chung so với các doanh nghiệp cùng ngành xây lắp.

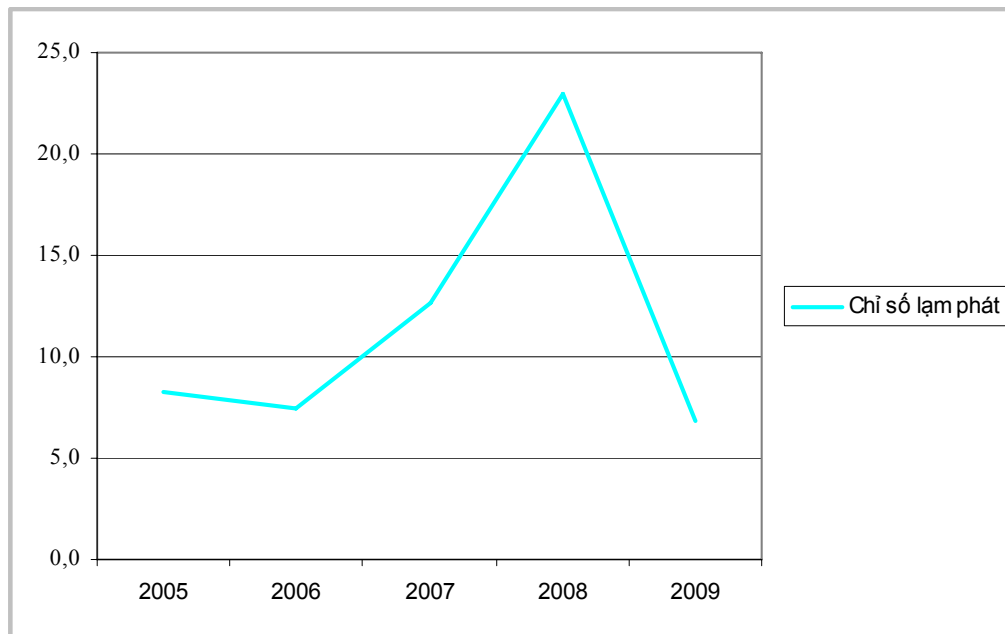
Năm 2009 là năm nền kinh tế Việt Nam đi lên từ sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Trong năm 2009 chính phủ đã thi hành chính sách tiền tệ và điều tiết vĩ mô như nới lỏng chính sách tín dụng, hạ lãi suất cơ bản, hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với ngân hàng thương mại, trả nợ tín phiếu bắt buộc, tái chiết khấu và tái cấp vốn qua nghiệp vụ thị trường mở, mở rộng biên độ tỷ giá VND.... Chính phủ cũng đã thực hiện gói kích thích kinh tế với việc thực hiện bù lãi suất 4% cho các doanh nghiệp thuộc đối tượng vay vốn lưu động chính vì vậy làm giảm áp lực lãi vay cho các doanh nghiệp. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp cận với kênh huy động vốn mới và hiệu quả là thị trường chứng khoán. Điều này tạo điều kiện cho Công ty hướng tới một cơ cấu tài chính hợp lý hơn nhằm giảm thiểu rủi ro do biến động về lãi suất gây ra.

### **Lạm phát:**

Mặc dù nền kinh tế tăng trưởng song trong những năm gần đây nền kinh tế Việt Nam cũng đang đứng trước tình trạng mức lạm phát tương đối cao: 8,3% năm 2005, 7,5% năm 2006, năm 2007 tỷ lệ lạm phát tăng vọt lên hai con số: 12,63%, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã lên tới 22,97%. Trong năm 2009 với chính sách điều tiết tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng nhà nước đã khiến chỉ số lạm phát trong năm chỉ ở mức 6,88% đạt được mục tiêu mà chính phủ đưa ra. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc xác định sớm thời điểm

phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu để xây dựng dự toán khối lượng công trình chính xác và kiểm soát được giá cả. Bên cạnh đó, Công ty ký các hợp đồng xây lắp đều dựa trên khối lượng thực tế nghiệm thu và giá cả điều chỉnh theo giá cả thị trường do đó hạn chế rất nhiều rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

### **Biểu đồ 01: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Là một doanh nghiệp Việt Nam, trước hết hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (bao gồm cả Thuế thu nhập về chuyên quyền sử dụng đất) và Luật Thuế Giá trị gia tăng. Bên cạnh đó là Luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các Công ty trong lĩnh vực xây dựng như Luật Xây dựng... Khi niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, Công ty sẽ chịu ảnh hưởng của Luật Chứng khoán, các Thông tư, Nghị định về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam còn đang trong giai đoạn hoàn thiện nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ và thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho

hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, sự thay đổi trong hệ thống pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng sẽ tác động đến kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty. Công ty phải chủ động nghiên cứu nắm bắt sát sao các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn.

### 3. **Rủi ro đặc thù**

Đặc thù của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi... là nhu cầu vốn lớn, thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài, vì thế hệ số nợ thường ở mức cao và thời gian bị chiếm dụng vốn dài.

Hiện nay, trên địa bàn cả nước có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi... Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Bên cạnh đó, trong quá trình Việt Nam hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, Công ty cũng sẽ chịu sức ép cạnh tranh từ lực lượng các tổ chức nước ngoài có tiềm năng to lớn về tài chính, công nghệ và nhân lực đầu tư vào Việt Nam. Trước tình hình khó khăn chung đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng nói chung như hiện nay, ít nhiều ảnh hưởng đến việc ký kết các hợp đồng mới của các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, Công ty đã có định hướng, xây dựng kế hoạch đưa ra các chính sách về sản xuất kinh doanh hợp lý, cơ cấu tổ chức khoa học, tính chủ động trên thương trường cao nên việc đảm bảo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra là khả thi.

### 4. **Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng

như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn)... Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm công trình tại Sở Xây dựng.

Tóm lại, với những đặc thù trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình, Công ty đã có những biện pháp hạn chế tối đa và dự kiến sẽ không gặp phải những khó khăn khách quan và chủ quan trong tương lai, đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện được đúng theo kế hoạch đề ra.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27:**

Ông: <b>Thân Văn Trọng</b>	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: <b>Nguyễn Văn Thảo</b>	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông: <b>Nguyễn Minh Tuấn</b>	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Ông: <b>Thân Văn Thành</b>	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Bà: <b>Nguyễn Thị Kim</b>	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: <b>Nguyễn Hồng Phong</b>	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAO VIỆT**

Ông: <b>Nguyễn Anh Tuấn</b>	Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty
-----------------------------	--------------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (VSSC) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 27. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 27 cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	Công ty Cổ phần Sông Đà 27
HĐQT	Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 27
BKS	Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 27
BGD	Ban Giám đốc
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Người có liên quan	Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên chủ chốt Công ty Cổ phần Sông Đà 27 (Điều 6.34 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006)
BCTC	Báo cáo tài chính
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt
Tổ chức kiểm toán	Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội
TSCĐ	Tài sản cố định

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 27

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Một số thông tin chính về Công ty

Tên đầy đủ: **Công ty Cổ phần Sông Đà 27**

Tên tiếng Anh: Songda Joint Stock Company No 27

Tên viết tắt: SODAJ27

Trụ sở: 155 Đường Trần Phú - Thị xã Hồng Lĩnh – Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: (039) 3835 355 Fax: (039) 3836 851

Webside [www.songda27.com](http://www.songda27.com)

Vốn điều lệ: 15.728.330.000 đồng (Mười lăm tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Số lượng CP lưu hành: 1.572.833 cổ phần (Một triệu năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ba mươi ba cổ phần)

Lĩnh vực kinh doanh:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, trạm thủy điện, bưu điện;
- Công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện;
- Kinh doanh phát triển đô thị;
- Tư vấn xây dựng, khảo sát thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khai thác nguyên vật liệu chế biến phục vụ sản xuất và kinh doanh;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, vận tải.

## ***1.2. Quá trình hình thành và phát triển***

Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số II Hà Tĩnh - là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tháng 10 năm 1996 trên cơ sở hợp nhất các xí nghiệp xây lắp trực thuộc Sở Xây dựng. Đến cuối năm 2003, Công ty Xây dựng số II Hà Tĩnh được cổ phần hóa trở thành Công ty Cổ phần Xây dựng số II Hà Tĩnh theo Quyết định số 2342/QĐ.UBND ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Đến cuối năm 2004, theo Quyết định số 481 TCT/HĐQT ngày 19/8/2004 Tổng Công ty Sông Đà, Công ty chính thức trở thành thành viên của Tổng công ty Sông Đà và đổi tên thành Công ty Cổ phần Sông Đà 27.

Tính đến nay, Công ty đã có bề dày truyền thống hơn 12 năm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng. Bằng năng lực và tính chuyên nghiệp cao, Công ty đã tạo lập và xây dựng thương hiệu Sông Đà 27 trở thành một thương hiệu mạnh trong số các thành viên của Tập đoàn Sông Đà. Công ty không ngừng phát triển mọi mặt cả về quy mô, tổ chức, năng lực, ngành nghề cũng như phạm vi hoạt động. Tổng lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, đời sống vật chất tinh thần của người lao động ngày càng được nâng cao.

### **Những giải thưởng và danh hiệu đã đạt được**

- Huy chương vàng chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam, do Bộ Xây dựng và Công Đoàn Xây dựng Việt Nam chứng nhận năm 1995
- Bằng khen của UBND Tỉnh Hà Tĩnh, Bằng khen của Bộ Xây dựng, Bằng khen của Liên đoàn lao động Việt Nam 2005
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ xây dựng 2002, Cờ thi đua xuất sắc toàn diện năm 2005 - 2006 của Tổng Công ty Sông Đà.

Kể từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 03 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án như sau:



**Bảng 01: Quá trình tăng vốn điều lệ**

Thời gian	Vốn điều lệ (Đơn vị: 1.000 đồng)	Giá trị tăng thêm (Đơn vị: 1.000 đồng )	Phương thức tăng vốn điều lệ
<b>Khi cổ phần hoá</b>	1.120.200		
<b>Lần 1</b> (Theo Nghị quyết ĐHCĐ ngày 20/09/2004)	2.500.000	1.379.800	Phát hành riêng lẻ: + Phát hành cho cổ đông hiện hữu: Số lượng cổ đông: 26 cổ đông Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Số lượng phát hành: 18.720 cổ phần + Phát hành cho cổ đông chiến lược: Số lượng cổ đông: 01 cổ đông Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Số lượng phát hành: 90.000 cổ phần + Phát hành cho cán bộ công nhân viên: Số lượng cổ đông: 10 cổ đông Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Số lượng phát hành: 29.260 cổ phần <b>Tổng số cổ đông sau đợt phát hành là 37 cổ đông</b>
<b>Lần 2</b> (Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01NQ/2007/ĐHCĐ ngày 04/05/2007)	15.000.000	12.500.000	Phát hành riêng lẻ: + Trả cổ tức năm 2006 bằng cổ phiếu: Số lượng cổ đông: 37 cổ đông Số lượng phát hành: 26.328 cổ phần + Chia cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu

			<p>tư phát triển cho cổ đông hiện hữu: Số lượng phát hành: 11.000 cổ phần + Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu Số lượng phát hành: 1.212.677 cổ phần <b>Tổng số cổ đông sau đợt phát hành là 98 cổ đông</b></p>
<p><b>Lần 3</b> (Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01NQ/2008/ĐHĐCĐ ngày 18/04/2008)</p>	15.728.330	728.330	<p>Trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu Số lượng phát hành: 72.833 cổ phần <b>Tổng số cổ đông sau đợt phát hành là 98 cổ đông</b></p>

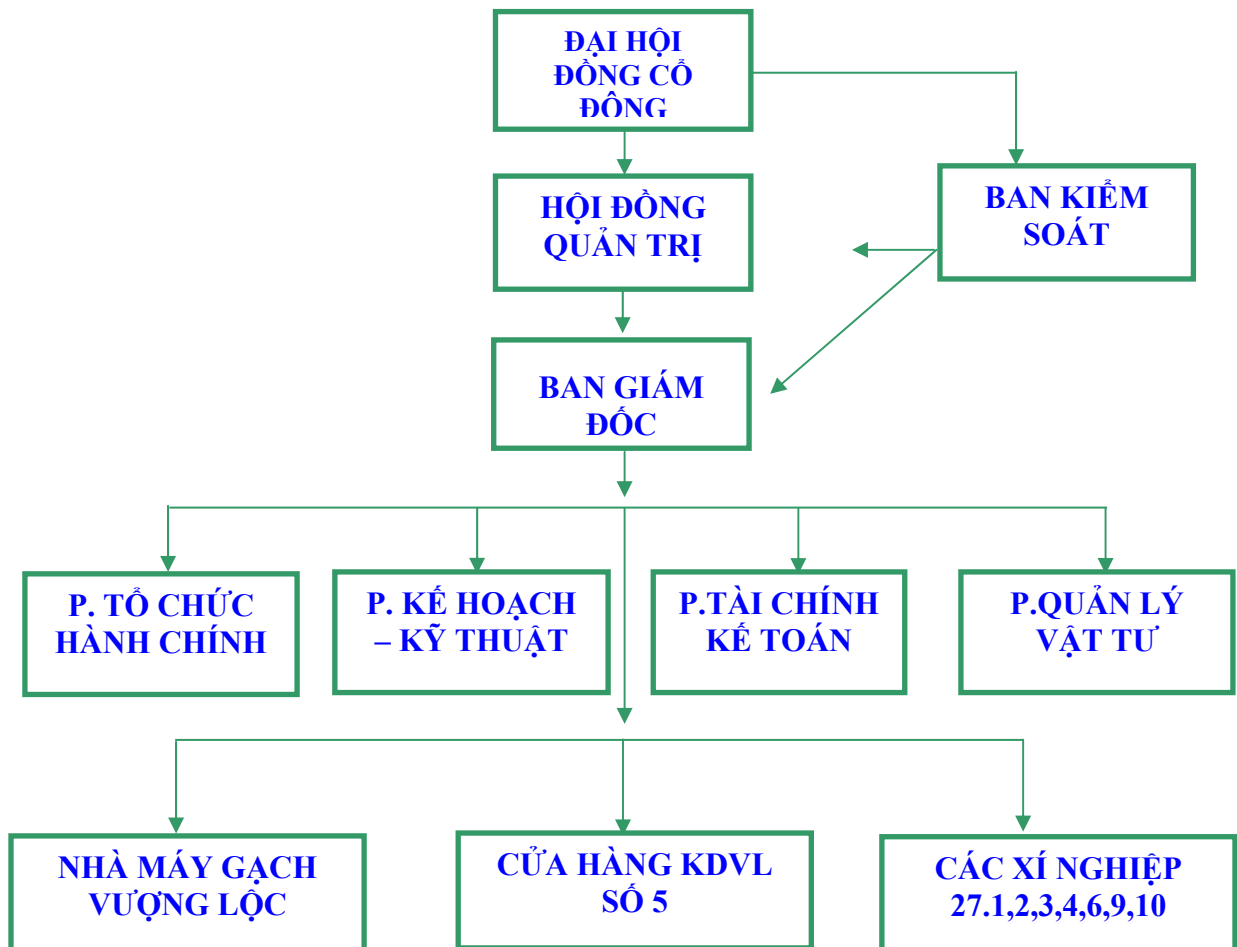
*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

## 2. Cơ cấu bộ máy và tổ chức Công ty

### 2.1. Sơ đồ cơ cấu bộ máy và tổ chức

Bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ đồ như sau:

#### Sơ đồ 01: Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty



## 2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành

### 2.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### 2.2.2. Hội đồng quản trị

Số thành viên HĐQT của Công ty gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### 2.2.3. Ban kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên để thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

### 2.2.4. Ban giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng văn phòng đại diện;

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

### 2.2.5. Các phòng ban và các xí nghiệp trực thuộc

Nhóm này trực tiếp tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. Các Phòng nghiệp vụ gồm có các Trưởng, Phó trưởng phòng trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh của phòng và dưới sự chỉ đạo của Ban Giám đốc. Xí nghiệp trực thuộc thay mặt Công ty thực hiện các dự án, các hạng mục công trình, được chủ động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình theo phân cấp quản lý, tự chịu trách nhiệm về lĩnh vực được giao.

## 3. Cơ cấu cổ đông và Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập

### 3.1. Cơ cấu cổ đông

**Bảng 02: Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 20/04/2010**

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tổng mệnh giá (đồng)	% vốn điều lệ
Trong nước	156	1.572.833	15.728.330.000	100
Tổ chức	1	585.636	5.856.360.000	37,23
Cá nhân	155	987.197	9.871.970.000	62,77
Nước ngoài	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>156</b>	<b>1.572.833</b>	<b>15.728.330.000</b>	<b>100</b>

Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 27

### 3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty

**Bảng 03: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

STT	Cổ đông	Tỷ trọng vốn góp (%)	Số cổ phần	Số vốn góp (Đồng)
1	<b>Tập đoàn Sông Đà</b> Địa chỉ: Nhà G10 Thanh Xuân Nam – Thanh Xuân - Hà Nội	37,23 %	585.636	5.856.360.000

Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 27

### 3.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

**Bảng 04: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 20/04/2010**

STT	Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Tỷ trọng vốn góp (%)	Cổ phần	Giá trị (đồng)
1	<b>Tổng Công ty Sông Đà</b>	Nhà G10 Thanh Xuân Nam – Thanh Xuân - Hà Nội	37,23	585.636	5.856.360.000
	<u>Người đại diện:</u>				
	<i>Thân Văn Trọng</i>		16,89	265.636	2.656.360.000
	<i>Nguyễn Văn Sơn</i>		10,17	160.000	1.600.000.000
	<i>Nguyễn Thị Kim</i>		10,17	160.000	1.600.000.000
2	<b>Thân Văn Trọng</b>	Khối 4-Bắc Hồng-Hồng Lĩnh-Hà Tĩnh	2,42	38.045	380.450.000
3	<b>Võ Viết Thắng</b>	Khối 5-Bắc Hồng-Hồng Lĩnh-Hà Tĩnh	1,30	20.464	204.640.000
4	<b>Nguyễn Thị Kim</b>	Khối 4-Bắc Hồng-Hồng Lĩnh-Hà Tĩnh	0,69	10.866	108.660.000

Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27

**Ghi chú:** Công ty thực hiện cổ phần hoá từ năm 2003 và đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/11/2003. Vì vậy, đến nay thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

**4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty cổ phần Sông Đà 27, những công ty mà Công ty cổ phần Sông Đà 27 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty cổ phần Sông Đà 27**

✚ Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Sông Đà 27: Không có

✚ Công ty mẹ: Không có

✚ Công ty con: Không có.

✚ Công ty mà Công ty cổ phần Sông Đà 27 nắm giữ cổ phần chi phối: Không có

**5. Hoạt động kinh doanh của Công ty**

**5.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ năm 2008, 2009 và quý I năm 2010**

Trải qua quá trình nhiều năm hoạt động và phát triển, với những trải nghiệm trên nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, đến nay Công ty tập trung phát triển vào một số loại hình hoạt động kinh doanh chính mà Công ty cho rằng có tiềm năng khai thác hiện tại và phát triển trong tương lai của Công ty: Hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh khác (như: Trao đổi sản phẩm, hàng hóa; trao đổi dịch vụ).

**Bảng 05: Doanh thu thuần của Công ty năm 2008, 2009 và quý I năm 2010**

*Đơn vị: Triệu đồng*

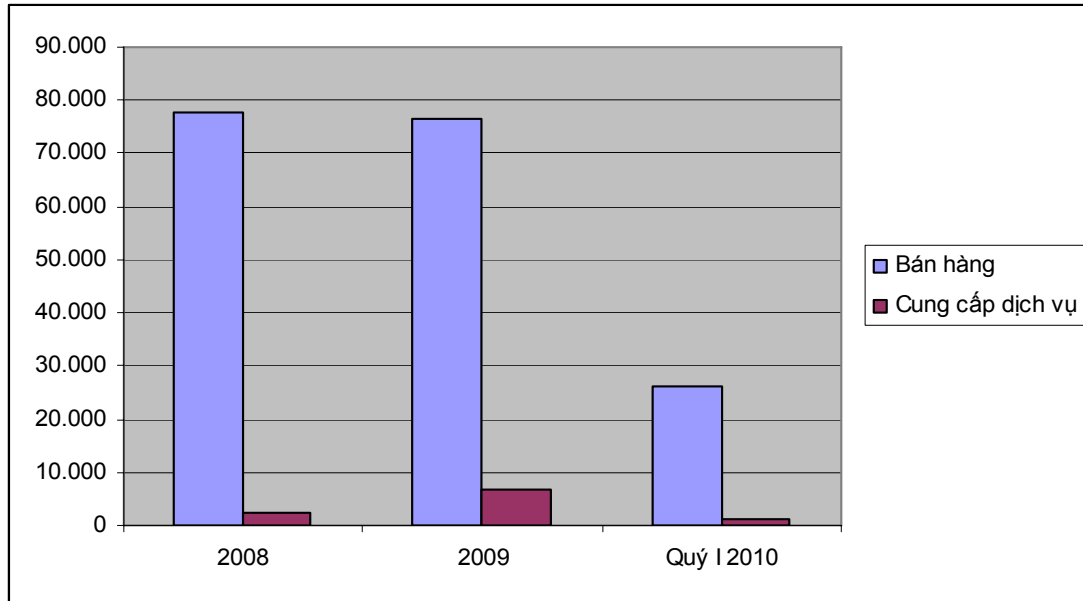
Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý I năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bán hàng	77.808	97,18	76.634	92,05	26.272	95,73



Cung cấp dịch vụ	2.261	2,82	6.619	7,95	1.171	4,27
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.069</b>	<b>100</b>	<b>83.253</b>	<b>100</b>	<b>27.443</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 và BCTC Quý I năm 2010 do Công ty lập*

### **Biểu đồ 02: Doanh thu thuần của Công ty năm 2008, 2009 và Quý I năm 2010**



Năm 2008 và 2009 nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu tuy nhiên doanh thu của Công ty vẫn không ngừng tăng lên. Sở dĩ có được điều này là do trong thời gian qua Công ty không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, bên cạnh các công trình đang thi công Công ty còn thường xuyên tham gia đấu thầu các công trình lớn trong và ngoài khu vực. Mặt khác, Công ty không ngừng đầu tư máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm tạo lập niềm tin đối với các chủ đầu tư.

### **Bảng 06: Lợi nhuận gộp của Công ty năm 2008, 2009 và Quý I năm 2010**

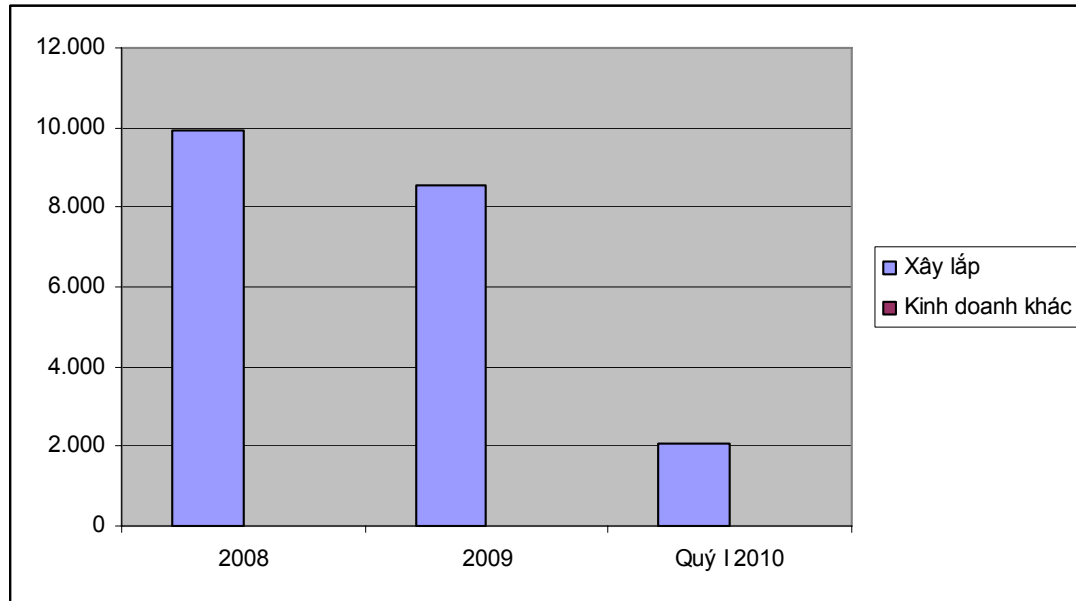
*Đơn vị: Triệu đồng*

Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		Quý I năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	9.953	100	8.565	100	2.071	100

Kinh doanh khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.953</b>	<b>100</b>	<b>8.565</b>	<b>100</b>	<b>2.071</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 và BCTC quý I năm 2010 do Công ty lập*

### **Biểu đồ 03: Lợi nhuận gộp của Công ty năm 2008, 2009 và Quý I năm 2010**



## **5.2. Nguyên vật liệu**

### **5.2.1. Nguồn cung cấp**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp nên nguyên vật liệu chính của Công ty là: Sắt thép, xi măng, cát, đá... Do đặc thù của của lĩnh vực xây lắp, các công trình Công ty đang thi công nằm rải rác ở nhiều nơi trên lãnh thổ Quốc gia nên việc tìm nguồn cung ứng nguyên vật liệu được Công ty giao thẳng cho các xí nghiệp, ban quản lý dự án trực tiếp tìm tại địa bàn nơi hoạt động xây lắp diễn ra. Tuy nhiên, Công ty luôn tạo mối quan hệ tốt với các nhà cung cấp truyền thống để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu được ổn định.

### **Bảng 07: Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính của Công ty**

TT	Sản phẩm	Nhà cung cấp chính
----	----------	--------------------

1	Xi măng	1. Công ty CP Thương mại Hà Tĩnh 2. Công ty CP Thương mại Mitraco Hà Tĩnh 3. Công ty CP Thương mại Hoàn Sơn
2	Sắt thép	4. Công ty CP Thương mại Thái Hưng 5. Công ty thép Thái Nguyên
3	Cát, đá	6. Công ty CP PT Công nghiệp Hà Tĩnh 7. Xí nghiệp SXVL Hồng Lam
4	Vải địa kỹ thuật	8. Công ty TNHH đầu tư TM XD - STD 9. Công ty CP vật tư thiết bị kỹ thuật Hạ Tầng
5	Gạch các loại	10. Xí nghiệp Gạch Thuận Lộc 11. Xí nghiệp xây lắp & SXVL Hồng Lĩnh 12. Xí nghiệp Gạch Sơn Bình
6	Bê tông	13. Công ty Cổ phần Sông Đà 1 14. Công ty Cổ phần Sông Đà 9

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

### 5.2.2. Tính ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Kể từ đầu năm 2009 cho đến nay, thị trường nguyên vật liệu đã bắt đầu ổn định trở lại, các mặt hàng vật liệu xây dựng ngày càng phong phú hơn, đa dạng hơn. Để chủ động được đầu vào cho nguồn nguyên vật liệu, Công ty chủ động duy trì việc đánh giá và đánh giá lại các nhà cung ứng, đưa họ vào danh sách các nhà cung ứng được phê duyệt và thực hiện việc ký kết hợp đồng hay hợp đồng nguyên tắc, cung cấp đầy đủ thông tin cho họ, và thực hiện việc thanh toán đúng hạn, giúp họ an tâm trong việc thực hiện cung cấp ổn định cho Công ty.

Công ty có khoảng 50 nhà cung cấp chiến lược thường xuyên cung ứng nguyên vật liệu cho Công ty. Ngoài ra, Công ty còn có danh sách trên 100 nhà cung cấp đã được tìm hiểu và đánh giá các sản phẩm xây dựng (nguyên vật liệu và máy móc thiết bị), trong đó có cả những nhà sản xuất mà Công ty có thể mua trực tiếp với những ưu đãi về giá cả và điều kiện thanh toán.

Công ty luôn xác định sớm nhu cầu nguyên vật liệu, thiết bị thi công để chủ động về thời gian và kiểm soát được giá cả. Với những biện pháp bình ổn nguồn cung ứng cũng như giá cả nguyên vật liệu đó Công ty luôn làm chủ được tiến độ công trình, kế hoạch doanh thu cũng như lợi nhuận của mình.

### 5.2.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng gia tăng trong thời gian ngắn sẽ làm cho kinh phí đầu tư của các chủ đầu tư tăng theo. Điều này có thể làm cho số lượng và qui mô các dự án đầu tư giảm xuống, ảnh hưởng đến doanh số của ngành xây dựng nói chung và của Công ty nói riêng.

Chi phí xây dựng chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả nguyên vật liệu xây dựng, khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng thi công dài hạn đã ký, điều này có thể gây ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

### 5.3. Chi phí sản xuất

**Bảng 08: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty:**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009		Quý I năm 2010	
	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT
Giá vốn hàng bán	70.115	87,54	74.688	89,58	25.372	92,45
Chi phí tài chính	3.816	4,76	3.204	3,84	596	2,17
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.950	3,68	2.897	3,47	899	3,28
Chi phí khác	191	0,24	85	0,10	-	-
<b>Tổng chi phí</b>	<b>77.072</b>	<b>96,23</b>	<b>80.874</b>	<b>97,00</b>	<b>26.867</b>	<b>97,90</b>
<b>Tổng doanh thu (TDT)</b>	<b>80.093</b>	<b>100</b>	<b>83.376</b>	<b>100</b>	<b>27.443</b>	<b>100</b>

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 và BCTC quý I năm 2010 do Công ty lập*

Chi phí sản xuất của Công ty nằm ở mức bình quân so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Năm 2009 so với năm 2008 tỷ trọng giá vốn hàng bán trên Tổng doanh thu của công ty tăng lên, còn lại các khoản mục chi phí khác có giảm đi. Nguyên nhân là do trong năm 2009 nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu đi lên từ đáy suy thoái do đó giá cả hàng hóa nguyên vật liệu có xu thế tăng giá dẫn đến chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng lên. Do giá vốn hàng hóa tăng khiến cho tổng chi phí trên doanh thu năm 2009 tăng lên đáng kể so với năm 2008. Giá cả nguyên vật liệu tăng tăng trong xu thế nền kinh tế bắt đầu hồi phục dẫn đến giá vốn hàng bán của Công ty tăng lên là điều không đáng lo ngại tuy nhiên trong thời gian tới Công ty sẽ cố gắng nỗ lực hơn trong việc tìm kiếm các nguồn nguyên liệu khác nhằm mục đích đa dạng hóa nguồn nguyên vật liệu cũng như hạn chế sự gia tăng của tổng chi phí và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất cho Công ty.

#### 5.4. Trình độ công nghệ

Công ty Cổ phần Sông Đà 27 là một Công ty có trình độ công nghệ cao. Thông qua việc làm chủ những công nghệ hiện đại, tân tiến trên thế giới, Công ty đã và đang thi công những công trình lớn mang tính trọng điểm quốc gia. Trong các năm vừa qua Công ty cũng không ngừng đổi mới các trang thiết bị nhằm trang bị cho mình những điều kiện tốt nhất để tham gia thi công các công trình đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao.

**Bảng 09: Danh mục máy móc thiết bị của Công ty**

STT	Tài sản	Số lượng	Năm bắt đầu sử dụng	Công suất
1	Máy trộn bê tông	02	2006	250 lít
2	Máy trộn U giang	02	2006	150 lít
3	Máy trộn bê tông TQ - TG	06	2004-2005	250 lít
4	Giàn giáo Hoà Phát		2005	
5	Máy đào bánh xích KOMTSU		2005	1,25 m3
6	Máy ủi KOMTSU - D53P - 17	02	2006	110 Cv
7	Máy ủi KOMTSU - D53P - 18		2005	110 Cv
8	Máy lu tĩnh SAKAI		2006	9 tấn
9	Máy lu rung KOMTSU		2006	18 tấn

10	Máy lu rung SAKAI - SV 91		2006	15 tấn
11	Máy lu tĩnh SAKAI - R2		2007	12 tấn
12	Máy lu rung CLG 614		2006	8 tấn
13	Máy phát điện		2003	30 Kw
14	Máy đầm cóc		2006	60 Kg
15	Máy đầm cóc - TV 50F	02	2007	50 Kg
16	Máy đầm cóc Tacom TV8D		2007	80 Kg
17	Máy đầm cóc TV8D		2007	80 Kg
18	Máy đầm cóc TA com TV 8K		2003	80 Kg
19	Máy vận thăng		2005	0,8 tấn
20	Máy kính vĩ		2006	
21	Khuôn đúc ống cống		2006	
22	Máy bơm dầu		2006	
23	Máy hàn tự hành		2002	7.5Kw
24	Khuôn bê tông cầu		2006	
25	Máy san tự hành MITSUBISHI		2006	110 Cv
26	Máy san, gạt MITSUBISHI			110 Cv

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

### **5.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Trước đây sản phẩm của Công ty chủ yếu là thi công xây lắp, xây dựng các công trình giao thông, dân dụng. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty nói riêng cũng như xu hướng phát triển của nền kinh tế nói chung, hiện nay Công ty đang có hướng đa dạng hoá sản phẩm, mở rộng các lĩnh vực hoạt động. Hiện nay, Công ty đang có hướng nghiên cứu để tham gia vào các lĩnh vực mới như: xuất khẩu lao động; cung cấp sản phẩm tư vấn và thiết kế công trình; xây dựng trạm sửa chữa, bảo trì xe, máy công trình tại địa bàn Thị xã Hồng Lĩnh; dịch vụ khách sạn và văn phòng cho thuê...

### **5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ.**

#### **5.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng.**

Công tác quản lý chất lượng công trình của Công ty được thực hiện theo đúng Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/04/2008, Nghị định số 209/2004/NĐ - CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các văn bản hướng dẫn của Sở Xây dựng Hà Tĩnh về quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống quản lý chất lượng đang được áp dụng hiện nay tại Công ty là các tiêu chuẩn xây dựng theo quy định hiện hành. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng khi thi công, kiểm tra và nghiệm thu: TCXD - 4447 - 1987; TCXD 97-1980 do Bộ Xây Dựng ban hành

### **5.6.2. Hệ thống quản lý công tác kiểm tra chất lượng của Công ty:**

Ban giám đốc công ty trực tiếp điều hành công tác sản xuất kinh doanh. Phụ trách công tác kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công, an toàn công trình và an toàn lao động được giao cho một Phó Tổng giám đốc công ty đảm nhận.

Các Ban điều hành công trường và những đơn vị thi công xây lắp trực thuộc giao cho thủ trưởng đơn vị đảm nhận và chịu trách nhiệm về công tác quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng, an toàn và tiến độ thi công.

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật có trách nhiệm quản lý và giám sát bộ phận đảm bảo chất lượng tại các đơn vị (các phòng ban chức năng, các công trình xây dựng và các XN, Đội) trong việc thực hiện, duy trì và cải tiến chất lượng ở tất cả các cấp trong Công ty, đồng thời tiến hành đề xuất các biện pháp cải tiến cần thiết. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật còn có trách nhiệm xây dựng các chương trình đào tạo về quản lý chất lượng cho CBCNV, triển khai quy trình quản lý chất lượng xuống tất cả các đơn vị của Công ty.

## **5.7. Hoạt động Marketing**

### **5.7.1. Hoạt động marketing**

Công ty Cổ phần xây dựng số II Hà Tĩnh ra đời vào tháng 11 năm 2003, có tiền thân là công ty Xây dựng số II Hà Tĩnh (được thành lập từ tháng 10 năm 1996). Từ tháng 8 năm 2004 Công ty Cổ phần xây dựng số II Hà Tĩnh chính thức trở thành thành viên Tổng công ty Sông Đà và lấy tên là Công ty cổ phần Sông Đà 27.

### **5.7.2. Giá trị thương hiệu:**

Giá trị thương hiệu của Sông Đà 27 là sự tổng hợp của nhiều yếu tố quan trọng tạo nên tiềm năng phát triển to lớn trong tương lai của Công ty, đó là uy tín cao trên thương trường, là các mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác, là nền văn hóa rất đặc sắc

của Công ty, là nguồn nhân lực dồi dào và năng động với bề dày kinh nghiệm qua rất nhiều công trình lớn.

Thương hiệu "Sông Đà 27" tuy mới chỉ được xây dựng nhưng nền tảng của nó đã được xây dựng và phát triển từ hơn 12 năm nay dựa vào chất lượng và tính mỹ thuật cao của các công trình mà Công ty đã thi công. Những cam kết về chất lượng sản phẩm và thực tế chất lượng công trình mà công ty đã thi công là công cụ tiếp thị hữu hiệu nhất của Công ty đến các chủ đầu tư. Thương hiệu Sông Đà 27 luôn gắn liền với thương hiệu của Tổng công ty Sông Đà, một trong những Tổng công ty mạnh của cả nước.

Giá trị thương hiệu càng lớn khi Công ty tham gia thi công vào nhiều công trình có giá trị lớn như: Quốc lộ 1A - đoạn tránh TX Hà Tĩnh, Đường bao phía Tây Hà Tĩnh, Thủy điện Hương Sơn, Thủy điện bản vẽ, Nhà máy xi măng Hạ Long...

### 5.7.3. Quảng bá thương hiệu:

Công ty đã xây dựng một kế hoạch quảng bá thương hiệu trước mắt và lâu dài với mục tiêu đưa thương hiệu Sông Đà 27 trở thành một thương hiệu mạnh trên toàn quốc. Gắn liền với kế hoạch phát triển lâu dài của Công ty, công tác quảng bá thương hiệu phải đạt được mục tiêu mở rộng phạm vi hoạt động cũng như lĩnh vực hoạt động mà Công ty đã xác định trong kế hoạch chiến lược phát triển trước mắt và lâu dài. Trong tương lai 5 - 10 năm tới, Công ty phấn đấu quảng bá thương hiệu đến khắp các tỉnh thành trong nước và nhiều nước khác trên thế giới.

Bên cạnh những phương tiện quảng bá thương hiệu thông thường bằng các ấn phẩm cũng như thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, Công ty Cổ phần Sông Đà 27 hiện nay đang sử dụng trang website chất lượng cao với những ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại tạo sự tiện lợi và lôi cuốn người xem.

### 5.7.4. Quan hệ cộng đồng:

Mối quan hệ cộng đồng được Sông Đà 27 quan tâm không chỉ vì vấn đề quảng bá thương hiệu mà là tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, là tấm lòng cảm thông, sự



chia sẻ những niềm đau và nỗi nhọc nhằn của những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh. Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng cũng là một trong những sứ mệnh quan trọng của Công ty.

Trong những năm qua, Sông Đà 27 đã tham gia tài trợ cho nhiều hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội, văn hóa, thể thao... như quỹ trẻ em nghèo khuyết tật, quỹ khuyến học, quỹ vì người nghèo, các giải thể thao trên địa bàn, ủng hộ đồng bào lũ lụt...

### 5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Logo Công ty:



Hiện nay, Công ty sử dụng logo của Tổng Công ty Sông Đà, bên dưới có hàng chữ “SONG DA 27”. Biểu tượng lô gô của Tổng Công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/2/2005.

Công ty Sông Đà 27 được sử dụng nhãn hiệu hàng hoá Sông Đà cho sản phẩm, dịch vụ, do công ty sản xuất, cung cấp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp công ty sử dụng Nhãn hiệu hàng hoá Sông Đà ở nước ngoài thì phải được chấp thuận.

### 5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện và các hợp đồng đã ký kết

#### Bảng 10: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện và các hợp đồng đã ký kết

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Tên hợp đồng	Giá trị HĐ	Tên cơ quan ký hợp đồng	Thời gian thực hiện
1	Quốc lộ 1A - Đoạn tránh TX Hà Tĩnh	160	Ban Quản lý Xây dựng Quốc lộ 1A - Đoạn tránh TX Hà Tĩnh	2006 - 2009

2	Công trình Thủy điện Hương Sơn	40,20	Công ty CP Thủy điện Hương Sơn	2007 – 2008
3	Đường bao phía Tây TP Hà Tĩnh	13,73	Công ty CP SIMCO Sông Đà	2007 - 2009
3	Nhà máy Phôi thép Hải Phòng	28	Công ty CP Thép Việt Ý	2008 - 2010
4	Xây dựng nhà máy thủy điện Hòa Na	18	Công ty CP Nhà máy Thủy điện Hòa Na	2009 - 2010
5	Đường ven biển Xuân Hội	15	Sở Giao thông Hà Tĩnh	2009 - 2010

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 6.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian qua

#### **Bảng 11: Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua**

*Đơn vị : Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm 2009/2008	Quý I năm 2010
1	Tổng giá trị tài sản	121.646	136.280	12,03	136.571
2	Doanh thu thuần	80.069	83.253	3,98	27.443
3	Lợi nhuận từ HĐKD	3.206	2.482	-22,58	582
4	Lợi nhuận khác	(187)	20	-110,70	-
5	Lợi nhuận trước thuế	3.020	2.502	-17,15	582
6	Lợi nhuận sau thuế	2.174	1.877	-13,66	437
7	Tỷ lệ trả cổ tức (%)	10%	9%	-10,00	-

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 và BCTC quý I năm 2010 do Công ty lập*

Năm 2009 là một năm tăng trưởng khá tốt của Công ty mặc dù trong điều kiện nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Tổng tài sản của Công ty tăng hơn 12% chứng tỏ Công ty vẫn trên đà phát triển tốt về quy mô và năng lực hoạt động; Doanh thu thuần năm 2009 tăng 3,98% so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế năm 2009 giảm 13,66% so với năm 2008. Doanh thu trong năm 2009 tăng hơn năm 2008 tuy nhiên lợi nhuận

sau thế lại giảm vì giá cả nguyên vật liệu trong năm 2009 gia tăng theo đà hồi phục nền kinh tế làm giá vốn hàng bán của Công ty tăng mạnh.

## **6.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**

### **6.2.1. Thuận lợi**

- Sự hỗ trợ của Tổng Công ty Sông Đà:

Sự quan tâm chỉ đạo và đề ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các cấp lãnh đạo Tổng Công ty là nhân tố lớn giúp cho Công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Công ty được Tổng Công ty Sông Đà tin tưởng giao nhiều công trình lớn như: Thủy điện Hương Sơn, Đường tránh Hà Tĩnh, Nhà máy xi măng Hạ Long...

- Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại:

Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại đã được Công ty chú trọng đầu tư. Đây là lợi thế cho Công ty trong quá trình thi công, đảm bảo chất lượng cao và tiến độ thực hiện các công trình.

- Các đơn vị trong Công ty đã được củng cố sắp xếp lại phù hợp với mô hình phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, tạo ra sự năng động trong việc tìm kiếm, khai thác, mở rộng thêm nguồn công việc, góp phần nâng cao thu nhập cho công ty.

- Trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ cao hơn so với các đơn vị khác trong khu vực, các sản phẩm của công ty sau khi hoàn thành và bàn giao đều thỏa mãn yêu cầu của khách hàng và tạo được lòng tin vững chắc của khách hàng.

### **6.2.2. Khó khăn**

- Vốn và nguồn vốn:

Thiếu vốn và khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh như: Đổi mới máy móc thiết bị, góp vốn xây dựng

các công trình lớn. Điều này làm hạn chế tính cạnh tranh của Công ty so với các đơn vị bạn.

- Quy mô hoạt động và địa bàn thi công:

Với quy mô hoạt động lớn, địa bàn thi công dàn trải trên nhiều miền đất nước cũng gây khó khăn cho công tác quản lý và điều hành, phát sinh chi phí quản lý.

## **7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành**

### **7.1. Vị thế của Công ty**

Là một trong nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp của Tỉnh, Công ty Cổ phần Sông Đà 27 đã khẳng định được thương hiệu cũng như vị thế của mình sau 5 năm hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần. Công ty trở thành doanh nghiệp có uy tín lớn trong ngành thi công, xây lắp các công trình thủy lợi, kinh doanh vật liệu và xây dựng dân dụng.

Hiện nay, ngày càng nhiều Doanh nghiệp tham gia vào hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, kinh doanh vật liệu và xây dựng dân dụng. Thị trường đã trở nên cạnh tranh hơn. Với truyền thống của những người thợ Sông Đà và bề dày kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Sông Đà 27 liên tục là đơn vị thắng thầu hoặc được chỉ định thầu thi công các công trình trọng điểm quốc gia và các công trình công cộng phục vụ cộng đồng xã hội.

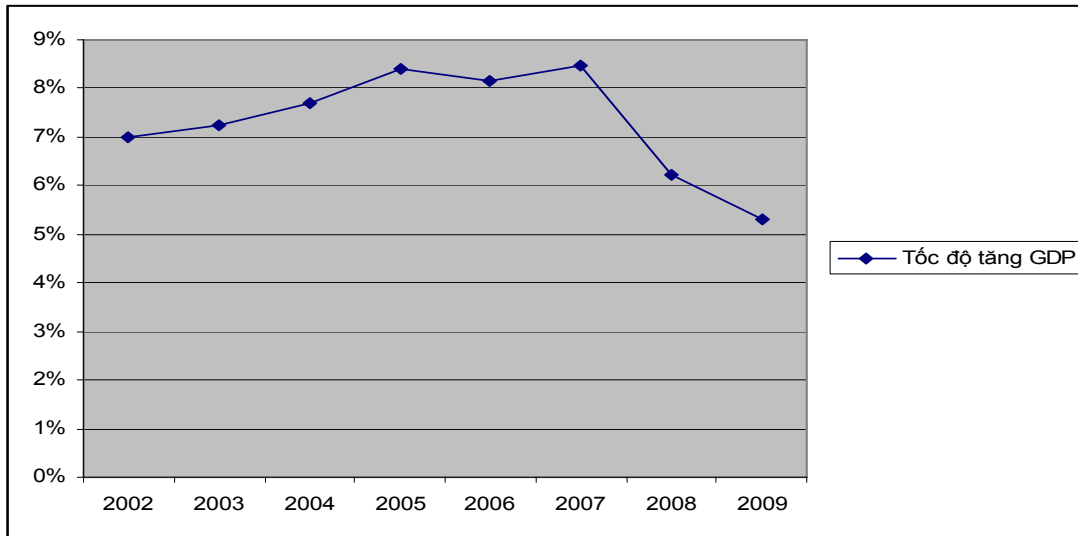
Thế mạnh thực sự của Công ty chính là tổ chức bộ máy quản trị, điều hành gọn nhẹ, không phân quyền qua nhiều cấp trung gian dẫn đến quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện rất linh hoạt, nhanh nhạy, tận dụng được thời cơ trong đầu tư và kinh doanh. Về mặt nhân lực, đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị dự án, hoạt động kinh doanh xây lắp và kinh doanh vật liệu. Đồng thời cán bộ, công nhân viên gián tiếp của Công ty hầu hết được đào tạo và đã tốt nghiệp từ các trường Đại học, cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật, kinh tế.

Bộ máy hoạt động linh hoạt kết hợp với nguồn nhân lực đầy năng lực chuyên môn cũng như kinh nghiệm thực tiễn chính là sức mạnh giúp Công ty phát triển và

khẳng định vị thế của mình trong môi trường kinh doanh đầy cạnh tranh và thử thách.

## 7.2. Triển vọng phát triển ngành

**Biểu đồ 04: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 đến năm 2009**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong mấy năm gần đây khá cao và ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm 2002 – 2003 – 2004 – 2005 - 2006 và 2007 đạt lần lượt là 7,1% - 7,23% - 7,7% - 8,4% - 8,17% và 8,5%. Trong năm 2008 và năm 2009 mặc dù nền kinh tế gặp không ít khó khăn do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu cũng như lạm phát tăng mạnh nhưng tốc độ tăng trưởng GDP trong năm vẫn đạt ở mức khả quan là 6,23%/năm trong năm 2008 và 5,32%. Với quan hệ thuận chiều giữa nền kinh tế và ngành xây dựng thì sự phát triển lạc quan của nền kinh tế sẽ kéo theo một bức tranh sáng sủa về triển vọng phát triển ngành xây dựng, kinh doanh nguyên vật liệu trong tương lai.

Bằng tốc độ tăng trưởng ấn tượng của nền kinh tế trong thời gian qua, Việt Nam đã hấp dẫn các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài mạnh dạn đầu tư, hàng loạt các dự án lớn được cấp phép hoạt động vào các ngành nghề truyền thống cũng như các ngành nghề mới tạo ra một thị trường rộng lớn trong lĩnh vực nhận thầu thi công xây lắp các công trình hạ tầng và công nghiệp. Điều này tạo ra một

nhu cầu lớn về xây dựng cơ bản cũng như về nhu cầu nguyên vật liệu cho các công trình đó.

Tất cả các yếu tố trên là cơ hội tăng trưởng phát triển ổn định cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp trong đó có Công ty Cổ phần Sông Đà 27.

### **Đánh giá về sự phù hợp giữa định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước:**

Từ những triển vọng phát triển của ngành như phân tích ở trên có thể thấy được định hướng của Công ty trong những năm tới tiếp tục phát triển hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng dân dụng, xây lắp các công trình thuỷ lợi, thủy điện, kinh doanh vật liệu và xây dựng dân dụng... là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, cũng như chủ trương công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước của Việt Nam.

## **8. Chính sách với người lao động**

### **8.1. Tình hình lao động**

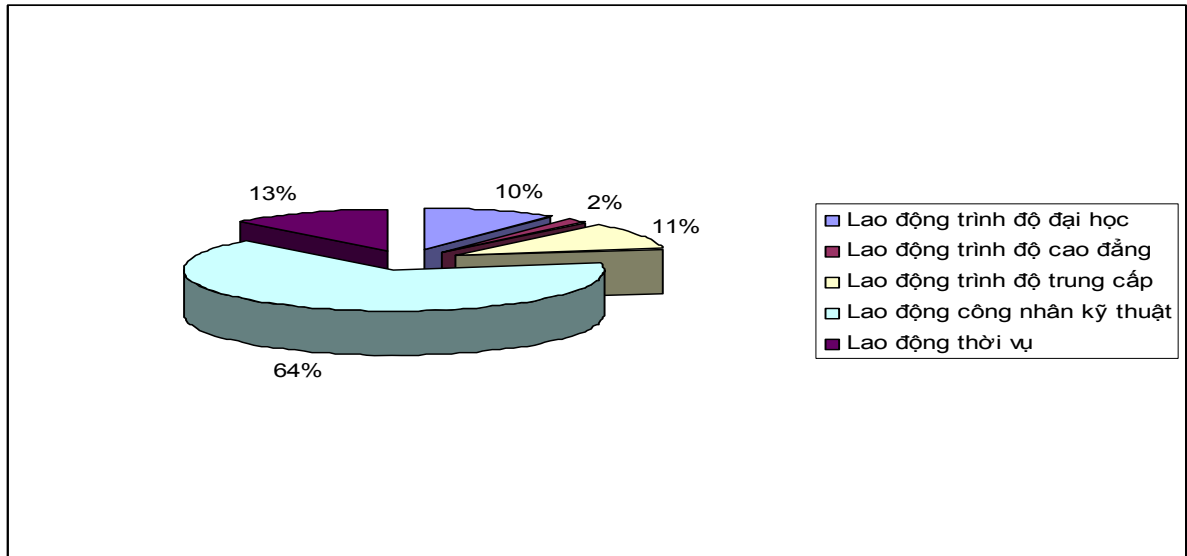
Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty. Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động hiện có của Công ty là: 320 người, trong đó, lao động nữ là 50 người chiếm 15,63%, lao động nam là 270 người chiếm 84,37%. Cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

**Bảng 12: Phân loại trình độ lao động trong Công ty**

STT	Trình độ học vấn	Số người
1	Lao động trình độ đại học	33
2	Lao động trình độ cao đẳng	5
3	Lao động trình độ trung cấp	34
5	Lao động công nhân kỹ thuật	208
6	Lao động thời vụ	40
	<b>Tổng cộng</b>	<b>320</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

### Biểu đồ 05: Cơ cấu trình độ lao động của Công ty



Lực lượng lao động chủ yếu của Công ty tập trung vào đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề trong lĩnh vực thi công các công trình thủy điện, thủy lợi, xây dựng dân dụng công nghiệp và có kinh nghiệm trong công tác thi công, khảo sát, thí nghiệm.

### **8.2. Chính sách với người lao động**

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- ❖ Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.
- ❖ Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty nhằm gia tăng về chất.
- ❖ Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.
- ❖ Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.

- ❖ Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

Hiện nay, Công ty đang thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho 100% cán bộ công nhân viên. Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2009 là 2.500.000 đ/tháng. Bên cạnh đó, hàng năm đơn vị luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đạo tạo lại tay nghề, trình độ của người lao động bằng nhiều hình thức như: đào tạo tại chỗ, cử những kỹ sư có kinh nghiệm kèm cặp kỹ sư trẻ mới ra trường, cử đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCNV, đáp ứng ngày càng cao của lĩnh vực thi công công trình, tư vấn xây dựng, theo kịp trình độ khoa học công nghệ của các nước tiên tiến trong thế giới.

## 9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do HĐQT xây dựng, đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định trên nguyên tắc sau:

- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ phần vốn góp.
- Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2007 là 10%, năm 2008 là 10%, năm 2009 là 9%.

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 10.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định



Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- ❖ Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- ❖ Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao theo khung thời gian quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003, cụ thể như sau:

**Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định**

TT	Nhóm tài sản	Thời gian
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30 năm
2	Máy móc thiết bị	03 – 06 năm
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09 năm
4	Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
5	Tài sản cố định khác	04- 06 năm

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty*

- ❖ Cuối kỳ Công ty kiểm kê chi tiết và lập phiếu đánh giá đầy đủ về hiện trạng, giá trị còn lại của từng tài sản cố định.

### 10.1.2. Mức lương bình quân

**Bảng 14: Thu nhập bình quân của người lao động năm 2006, 2007, 2008, 2009**

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Mức lương bình quân	1.200.000	2.000.000	2.200.000	2.500.000
% thay đổi so với năm trước	33%	66%	10%	25%

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

### 10.3.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty được đánh giá là một trong những tổ chức có xếp hạng tín dụng tốt trong khu vực. Luôn thanh toán các khoản nợ vay đúng thời hạn. Tính đến thời điểm này, Công ty không có bất kỳ một khoản nợ quá hạn nào.

#### 10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

#### Bảng 15: Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước của Công ty

Đơn vị: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
1	Thuế GTGT	1.198.985.716	2.591.383.540
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	755.576.459	431.327.860
3	Các loại thuế khác	-	14.096.907
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.954.562.175</b>	<b>3.036.808.307</b>

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty Cổ phần Sông Đà 27

#### 10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các Quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Điều lệ của công ty và do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở tuân thủ các chính sách của Nhà nước.

#### Bảng 16: Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2008 và 31/12/2009

Đơn vị: đồng

TT	Các Quỹ	31/12/2008	31/12/2009
1	Quỹ dự phòng tài chính	59.139.236	382.111.810
2	Quỹ đầu tư phát triển	371.869.541	524.059.541
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(111.273.795)	136.283.908

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty

Tính đến thời điểm 31/12/2008 số dư Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty bị âm là do Công ty đã tiến hành trích trước và thông qua trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi tại ĐHCĐ thường niên năm sau.

### 10.1.6. Tổng dư nợ vay

**Bảng 17: Tổng dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2009**

Chỉ tiêu	Hợp đồng tín dụng	Mục đích	Số tiền (đồng)	Thời hạn thanh toán
1. Dư nợ vay ngắn hạn	Ngân hàng đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh – Phòng Giao dịch Hồng Lĩnh	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	33.431.493.509	Tháng 06/2010
2. Dư nợ vay dài hạn	Ngân hàng đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh – Phòng Giao dịch Hồng Lĩnh	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	22.721.679.790	2014

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty*

### 10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

**Bảng 18: Tình hình công nợ tại thời điểm 31/12/2008 và 31/12/2009**

*Đơn vị: 1.000.000 đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2008	%/ Tổng tài sản	31/12/2009	% Tổng tài sản	31/3/2010	% Tổng tài sản
<b>Tổng tài sản</b>	<b>121.646</b>	<b>100</b>	<b>136.280</b>	<b>100</b>	<b>136.571</b>	<b>100</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>29.175</b>	<b>23,98</b>	<b>45.534</b>	<b>33,41</b>	<b>47.865</b>	<b>35,05</b>
Phải thu của khách hàng	9.290	7,64	19.010	13,95	28.608	20,95

Chỉ tiêu	31/12/2008	%/ Tổng tài sản	31/12/2009	% Tổng tài sản	31/3/2010	% Tổng tài sản
Trả trước cho người bán	463	0,38	2.469	1,81	1.669	1,22
Phải thu nội bộ	18.250	15,00	23.174	17,00	16.715	12,24
Các khoản phải thu khác	1.172	0,96	947	0,70	940	0,69
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-67	-0,05	-67	-0,05
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>102.772</b>	<b>84,48</b>	<b>117.120</b>	<b>85,94</b>	<b>117.112</b>	<b>85,75</b>
Vay và nợ ngắn hạn	30.441	25,02	33.651	24,69	34.184	25,03
Phải trả cho người bán	10.842	8,91	11.368	8,34	12.768	9,35
Người mua trả tiền trước	20.450	16,81	10.260	7,53	10.357	7,58
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.955	1,61	3.037	2,23	1.872	1,37
Phải trả công nhân viên	5.700	4,69	3.348	2,46	3.475	2,54
Chi phí phải trả	-	-	-	-	500	0,37
Phải trả nội bộ	21.598	17,75	30.538	22,41	20.228	14,81
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.403	1,15	2.142	1,57	12.747	9,33
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	31	0,02
Nợ dài hạn	10.383	8,54	22.775	16,71	20.950	15,34

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty

Tại thời điểm 31/12/2009, số dư khoản phải thu nội bộ là 23.174.253.925 đồng chiếm 17% Tổng tài sản là các khoản nợ vay, lãi vay, khấu hao tài sản cố định, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của các xí nghiệp trong Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2009, số dư khoản phải trả nội bộ 30.538.213.348 đồng chiếm 22,41% là tiền thi công các công trình phải trả cho các xí nghiệp, các đội thi công trực tiếp thực hiện thi công các công trình.

## 10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,15	1,13
Hệ số thanh toán nhanh ((TSLD – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,35	0,53
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	84,48	85,94
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	544,52	611,31
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng		1,15
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	65,8	61
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,72	2,25
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,52	9,80
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,79	1,46
Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	4,00	2,98

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty*

## 11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 11.1. Danh sách hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện phần vốn của Tập đoàn Sông Đà	Số cổ phần nắm giữ
1	Thân Văn Trọng	Chủ tịch	265.636	38.045
2	Nguyễn Văn Sơn	Ủy Viên	160.000	-
3	Nguyễn Minh Tuấn	Ủy Viên	-	28.705
4	Nguyễn Thị Kim	Ủy Viên	160.000	10.866
5	Võ Viết Thắng	Ủy Viên	-	20.464

#### 11.1.1. Sơ yếu lý lịch Chủ tịch HĐQT

<b>Họ và tên:</b>	<b>Thân Văn Trọng</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/08/1969
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Khối 9 - Phường Bắc Hồng - Thị xã Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	039.3835.355
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế- Chuyên ngành quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
+ 9/1993 – 11/1996:	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Xây dựng số 4 - Hà Tĩnh
+ 1996 – 1/2000:	Kế toán trưởng Công ty Xây dựng số 2 - Hà Tĩnh.

+ 2/2000 – 12/2003:	Giám đốc Công ty Xây dựng số 2 - Hà Tĩnh; Bí thư Đảng ủy.
+ -1/2004 – 12/2004:	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty CP Xây dựng số 2- Hà Tĩnh; Bí thư Đảng ủy
+ 1/2005 – 12/2007	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 27
+ 1/2008 – 6/2008	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 27
+ 7/2008 - 8/2009	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 27
+ 8/2009 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 27, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà
Số cổ phần đại diện phần vốn của Tập đoàn Sông đà:	160.000 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 20/04/2010:	38.045 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan:	32.174 cổ phần
<i>Thân Văn Thành (anh trai)</i>	<i>Số CMND: 011438321 cấp ngày 23/05/1986 do</i>
<i>Khối 8 phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh</i>	<i>CA Hà Nội cấp</i>
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

### 11.1.2. Sơ yếu lý lịch UV HĐQT

<b>Họ và tên:</b>	<b>Nguyễn Văn Sơn</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/06/1971
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thị trấn Hồ - Huyện Thuận Thành - Tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú:	Phòng 507 Nhà B Khu chung cư Công ty 789 Bộ Quốc Phòng - Nhân Mỹ - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04.38541164
Trình độ văn hoá:	12/12

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
+ 10/1996 – 04/1998:	Nhân viên phòng kinh tế kế hoạch Công ty năng lượng Sông Đà 11
+ 05/1998 - 09/1999	Phó trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty năng lượng Sông Đà 11
+ 10/1999 - 02/2003	Trưởng ban kinh tế kế hoạch xí nghiệp năng lượng Công ty năng lượng Sông Đà 11
+ 03/2003 - 02/2004	Phó giám đốc xí nghiệp năng lượng Công ty năng lượng Sông Đà 11
+ 03/2004 - 01/2005	Phó giám đốc xí nghiệp cơ khí lắp 2 Công ty Cơ khí lắp máy Sông Đà
+ 02/2005 - 10/2008	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Cơ khí lắp máy Sông Đà
+ 11/2008 - 09/2009	Phó giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế Công ty Cổ phần SOMEKO Sông Đà
+ 09/2009 đến nay	Thành viên ban kiểm soát Tổng Công ty Sông Đà
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 27, thành viên BKS Tập đoàn Sông Đà
Số cổ phần đại diện phần vốn của Tập đoàn Sông Đà:	160.000 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 20/04/2010:	0 cổ phần
<i>Số cổ phần sở hữu của người có liên quan:</i>	<i>0 cổ phần</i>
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

### 11.1.3. Sơ yếu lý lịch UV HĐQT

<b>Họ và tên:</b>	<b>Nguyễn Minh Tuấn</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	13/03/1979
Quốc tịch:	Việt Nam.
Dân tộc:	Kinh.
Quê quán:	Nghĩa Trung - Nghĩa Đàn - Nghệ An.
Địa chỉ thường trú:	Xóm 9, Nghi Phú, Thành Phố Vinh - Nghệ An.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0393835355



Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư kinh tế xây dựng và kỹ sư xây dựng dân dụng & công nghiệp
Quá trình công tác:	
+ 2002 - 2004:	Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty HUDS thuộc Tổng Công ty HUD
+ 2004 - 2005:	Phó phòng quản lý kỹ thuật BQL Dự án Công viên Trung tâm Thành phố Vinh
+ 2005 - 2006:	Trưởng phòng KH_KT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 27
+ 2007 - nay	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Sông Đà 27
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 27
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến 20/04/2010	28.705 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không.

#### 11.1.4. Sơ yếu lý lịch UV HĐQT

<b>Họ và tên</b>	<b>Nguyễn Thị Kim</b>
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	02/03/1971
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán :	Thạch Bằng - Thạch Hà - Hà Tĩnh.
Địa chỉ thường trú:	Khối 4, Phường Bắc Hồng - Thị xã Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0393.835355
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn :	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ 1992 - 10/1996:	Kế toán xí nghiệp Xây dựng 4.
+ 11/1996 – 7/2000:	Kế toán tổng hợp Công ty xây dựng số II Hà Tĩnh

+ 8/2000 – 12/2003:	Kế toán trưởng Công ty CP XD số II Hà Tĩnh.
+ 1/2004 – 12/2004:	Kế toán trưởng Công ty CP XD số II Hà Tĩnh
+ 1/2005 - nay	Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 27
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT , Kế toán trưởng Công ty.
Số cổ phần đại diện phần vốn của Tập đoàn Sông Đà	160.000 cổ phần
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến thời điểm 20/04/2010:	10.866 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không.

#### 11.1.5. Sơ yếu lý lịch UV HĐQT

<b>Họ và tên:</b>	<b>Võ Viết Thắng</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	30/08/1960
Quốc tịch:	Việt Nam.
Dân tộc:	Kinh.
Quê quán:	Đức Đồng, Đức Thọ, Hà Tĩnh.
Địa chỉ thường trú:	Số 106 đường Trần Phú, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0393835355
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
+ 1980 - 1990:	Cán bộ kỹ thuật Liên đoàn địa chất Thiếc
+ 01/1991 – 12/1993:	Đội trưởng – Phụ trách cơ bản Liên đoàn địa chất Thiếc
+ 01/1994 – 10/1996:	Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp xây dựng số 4 Hà Tĩnh
+ 11/1996 – 12/2003:	Giám đốc xí nghiệp 4- Công ty XD số 4 Hà Tĩnh.
+ 01/2004 – 12/2004:	Giám đốc Xí nghiệp 4, Ủy viên HĐQT Công ty CP XD số II Hà Tĩnh.

+ 01/2005 – nay : Giám đốc Xí nghiệp 4, ủy viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 27

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Giám đốc XN 4 Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến thời điểm 20/04/2010 20.464 cổ phần

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

## 11.2. Danh sách Ban Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước	Số cổ phần sở hữu cá nhân
1	Nguyễn Văn Thảo	Tổng giám đốc	-	-
2	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	-	28.705
3	Thân Văn Thành	Phó Tổng giám đốc	-	32.174

### 11.2.1. Sơ yếu lý lịch Tổng giám đốc:

**Họ và tên:** Nguyễn Văn Thảo

**Giới tính:** Nam

**Ngày tháng năm sinh:** 22/06/1965

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Dân tộc:** Kinh

**Quê quán:** Quảng Yên - Quảng Xương - Thanh Hóa

**Địa chỉ thường trú:** Số nhà 76 - Trần Oanh - Trường Thi - Thanh Hóa

**Số ĐT liên lạc ở cơ quan:** 039.3835355

**Trình độ văn hoá:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Đại học xây dựng

**Quá trình công tác:**

+ 1987 - 1989 Công nhân Công ty Xây dựng 2 Thanh Hóa

+ 1990 - 2002	Đội trưởng Công ty Xây dựng 2 Thanh Hóa
+ 2003 - T7/2009	Giám đốc Xí nghiệp 25.8 Công ty Cổ phần Sông Đà 25
+ T8/2009 - đến nay	Quyền Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Chức vụ hiện nay:	Quyền Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 20/04/2009	0 cổ phần
<i>Số cổ phần sở hữu của người có liên quan</i>	<i>0 cổ phần</i>
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

### 11.2.2. Sơ yếu lý lịch Phó Tổng Giám đốc:

**Họ và tên :** Nguyễn Minh Tuấn

(Như trên)

### 11.2.3. Sơ yếu lý lịch Phó Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên:</b>	<b>Thân Văn Thành</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/08/1963
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Sơn Lộc - Huyện Can Lộc - Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Phường Bắc Hồng - Thị xã Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư khai thác mỏ.
Quá trình công tác:	
+ Từ năm 1991 - 2001:	Trưởng phòng KTKT Mỏ than Làng Cẩm Công ty gang thép Thái Nguyên

+ Từ năm 2002 - 2003:	Giám đốc điều hành Công ty Khoáng sản Thái Nguyên
+ Năm 2004:	Giám đốc xí nghiệp 10 Công ty cổ phần Xây dựng số 2 - Hà Tĩnh
+ Từ năm 2005 - 2006:	Giám đốc xí nghiệp 10 Công ty Cổ phần Sông Đà 27
+ Từ năm 2007 đến nay	Phó Tổng giám đốc, giám đốc xí nghiệp 10 Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 27, Giám đốc XN10
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến ngày 20/04/2010	32.174 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	38.045 cổ phần
Thân Văn Trọng (em trai)	Số CMND: 183065554 cấp ngày 27/09/1994 do CA Hà Tĩnh cấp
Khối 9 phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

### 11.3. Danh sách Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân
1	Nguyễn Hồng Phong	Trưởng BKS	12.503
2	Đậu Trọng Tố	Thành viên	27.954
3	Đặng Văn Trọng	Thành viên	19.578

#### 11.3.1. Sơ yếu lý lịch Trưởng Ban Kiểm Soát

<b>Họ và tên:</b>	<b>Nguyễn Hồng Phong</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/05/1954
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán:	Thái Sơn, Thái Thụy, Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	Phòng 301, Nhà G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại liên lạc:	04.38541164
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác:	
+ 1972 - 1977:	Đi bộ đội
+ 1978 - 1982:	Sinh viên Đại học Tài chính kế toán
+ 1983 - 1987:	Nhân viên kế toán công ty Sông Đà 9
+ 1988 - 1989:	Phó Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 9
+ 1990 - 1997:	Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 9
+ 1998 - 2002:	Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 12
+ 2003:	Quyền trưởng phòng kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Sông Đà
+ 2004:	Phó kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà
+ 2005:	Phó Giám đốc Công ty Kiểm toán Sông Đà – Tổng Công ty Sông Đà
+ 2006	Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Sông Đà
+ 2007 - nay	Thành viên BKS Tổng Công ty Sông Đà, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 27 Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Sông Đà 27
Chức vụ hiện nay:	
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến thời điểm 20/04/2010	12.503 cổ phần
<i>Số cổ phần sở hữu của người có liên quan</i>	<i>20.394 cổ phần</i>
<i>Nguyễn Công Tiến (em trai) Tổ 9 phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình</i>	<i>Số CMND: 113038236 cấp ngày 17/01/2006 do CA Hòa Bình cấp</i>
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không.
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không.

### 11.3.2. Sơ yếu lý lịch thành viên BKS

<b>Họ và tên:</b>	<b>Đậu Trọng Tố</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	25/09/1965
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xuân Lộc – Can Lộc – Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Thị trấn Nghèn - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh.
Điện thoại liên lạc:	0393.835355
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng.
Quá trình công tác:	
+ 1983:	Bộ đội
+ 1989 - 1996 :	Cán bộ kỹ thuật công ty TNHH 1/9 Hà Tĩnh
+ 1996 - 2003 :	Giám đốc xí nghiệp 9 – công ty xây dựng số 2
+ 01/2004 – 12/2004:	Giám đốc xí nghiệp 9, thành viên BKS Công ty CP Xây dựng số 2 Hà Tĩnh.
+ 2004- nay:	Giám đốc xí nghiệp 9, thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 27
Chức vụ hiện nay:	Giám đốc Xí nghiệp 9, Thành viên BKS Công ty Cổ phần Sông Đà 27
Số cổ phần sở hữu cá nhân tính đến thời điểm 20/04/2010:	27.954 cổ phần
<i>Số cổ phần sở hữu cá nhân của người có liên quan</i>	<i>0 cổ phần</i>
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không.

### 11.3.3. Sơ yếu lý lịch thành viên BKS

<b>Họ và tên:</b>	<b>Đặng Văn Trọng</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/8/1958
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Ninh, Đức Thọ, Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú:	Khối 11, Phường Nam Hồng - Thị xã Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh
Điện thoại liên lạc:	0393.835355
Trình độ văn hóa:	10/10

Trình độ chuyên môn:	Trung cấp xây dựng
Quá trình công tác:	
+ 1979 – 1996:	Phó phòng xây dựng, Phòng Xây dựng Hòa Nhơn
+ 1996 - 2001:	Phó phòng KH – KT Công ty xây dựng số 2 Hà Tĩnh
+ 2001 - 2004:	Thành viên BKS Công ty xây dựng số II Hà Tĩnh.
+ 2004 - nay :	Thành viên BKS Công ty Cổ phần Sông Đà 27.
Chức vụ hiện nay:	Thành viên BKS Công ty CP Sông Đà 27
Số cổ phần sở hữu cá nhân tại thời điểm 20/04/2010:	19.578 cổ phần
<i>Số cổ phần sở hữu của người có liên quan:</i>	<i>0 cổ phần</i>
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không.

#### 11.4. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

Bà: **Nguyễn Thị Kim**

Chức vụ: **Kế toán Trưởng**

Như trên



## 12. Tài sản

**Bảng 20: Tình hình tài sản Công ty tính đến thời điểm 31/12/2009**

Đơn vị: đồng

TT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>19.344.665.924</b>	<b>7.624.363.267</b>	<b>11.720.302.657</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.355.091.659	459.112.484	895.979.175
2	Máy móc thiết bị	11.774.734.832	4.749.650.285	7.025.084.547
3	Phương tiện vận tải	2.601.732.714	1.821.518.276	780.214.438
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	158.344.814	105.643.062	52.701.752
5	Tài sản cố định khác	3.454.761.905	488.439.160	2.966.322.745
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>2.949.523.810</b>	<b>-</b>	<b>2.949.523.810</b>
1	Quyền sử dụng Bãi đá	2.949.523.810	-	2.949.523.810

Nguồn: BCTC đã kiểm toán của Công ty năm 2009

Máy móc thiết bị chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng giá trị tài sản cố định của Công ty. Trong thời gian qua Công ty cũng chú trọng nhiều vào việc đầu tư mới máy móc thiết bị để nâng cao năng lực thi công của mình. Tuy nhiên, với đặt điểm thi công tại nhiều địa bàn khác nhau nên để đáp ứng tiến độ thi công, cũng như cắt giảm chi phí, Công ty thường thuê thêm máy móc thiết bị của các đơn vị bạn dưới hình thức thuê tài sản hoặc thuê tài chính. Đây là biện pháp hữu hiệu vừa đáp ứng nhu cầu về máy móc thi công cho Công ty vừa đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Bảng 21: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2009**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ</b>						
1. Số đầu năm	1.355.091.659	9.922.416.889	2.639.827.952	144.059.100	505.238.095	14.566.633.695
2. Số tăng trong kỳ	-	1.879.775.083	-	14.285.714	2.949.523.810	4.843.584.607
3. Số giảm trong kỳ	-	27.457.140	38.095.238	-		65.552.378
4. Số cuối kỳ	1.355.091.659	11.774.734.832	2.601.732.714	158.344.814	3.454.761.905	19.344.665.924
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	341.121.072	2.993.417.821	1.410.469.559	81.050.777	8.666.672	4.834.725.901
2. Số tăng trong kỳ	117.991.412	1.759.283.260	420.572.529	24.592.285	479.772.488	2.802.211.974
3. Số giảm trong kỳ	-	3.050.796	9.523.812	-	-	12.574.608
4. Số cuối kỳ	459.112.484	4.749.650.285	1.821.518.276	105.643.062	488.439.160	7.624.363.267
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Số đầu năm	1.013.970.587	6.928.999.068	1.229.358.393	63.008.323	496.571.423	9.731.907.794
2. Số cuối kỳ	895.979.175	7.025.084.547	780.214.438	52.701.752	2.966.322.745	11.720.302.657

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009 của Công ty

**Bảng 22: Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2009**

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Chi phí quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
1	Số đầu năm	-	2.949.523.810	2.949.523.810
2	Số tăng trong kỳ	-	-	-
3	Số giảm trong kỳ	-	2.949.523.810	2.949.523.810
4	Số cuối kỳ	-	-	-
<b>II</b>	<b>Giá trị hao mòn</b>			
1	Số đầu năm	-	-	-
2	Số tăng trong kỳ	-	-	-
3	Số giảm trong kỳ	-	-	-
4	Số cuối kỳ	-	-	-
<b>III</b>	<b>Giá trị còn lại</b>			
1	Số đầu năm	-	2.949.523.810	2.949.523.810
2	Số cuối kỳ	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009

Số liệu tài sản cố định vô hình được thể hiện tại ngày đầu năm trong BCTC Kiểm toán năm 2009 là mỏ đá và bãi chế biến sản phẩm Đậu Liêu. Tuy nhiên sau khi kiểm tra lại hồ sơ chứng từ liên quan tới việc mua mỏ đá và bãi chế biến sản phẩm trên theo những chuẩn mực kế toán hiện hành thì Công ty thấy rằng có đủ điều kiện, căn cứ để hạch toán mỏ đá và bãi chế biến sản phẩm Đậu Liêu vào khoản mục Tài sản cố định hữu hình. Công ty đã thực hiện bút toán điều chỉnh hạch toán điều chỉnh giảm Tài sản cố định vô hình và hạch toán làm tăng Tài sản cố định hữu hình là 2.949.523.810 đồng.

### 13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

#### 13.1. Định hướng chung

Dựa trên những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng nói riêng trong những năm sắp tới, định hướng phát triển ngành xây dựng cùng với việc đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế hiện tại của mình, Công ty đã xác định phương hướng nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2010 – 2012 là xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp xây lắp hàng đầu khu vực, làm chủ được các công nghệ xây dựng tiên tiến, đảm nhận thi công được các công trình dân dụng, công nghiệp có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, song song với duy trì chiến lược đầu tư đa dạng hóa sản phẩm, tập trung đầu tư cho sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng từng bước làm chủ các dự án, tạo nên sự phát triển hài hòa có tính bền vững cao. Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh đảm bảo đủ khả năng cạnh tranh nhận thầu, đấu thầu và thắng thầu các gói thầu có quy mô lớn trong nước và khu vực.

#### 13.2. Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức trong các năm tiếp theo

**Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức giai đoạn 2010 -2012**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2009	% Tăng giảm Thực hiện/ kế hoạch năm 2009	Kế hoạch năm 2010	% tăng giảm 2010/ 2009	Kế hoạch năm 2011	% tăng giảm 2011/ 2010
Vốn điều lệ (VĐL)	15.728	15.728	-	20.000	21,36	25.000	25,00

Tổng doanh thu (TDT)	83.253	78.400	6,19	90.200	13,08	104.600	15,96
Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	2.502	3.150	-20,57	3.626	13,13	4.395	21,21
LNTT/TDT	3,01	4,02	-	4,02	-	4,20	-
LNTT/VĐL	15,91	20,03	-	18,13	-	17,58	-
Tỷ lệ cổ tức	9%	9%	-	10%	-	10%	-

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

Với số vốn hiện tại và giá trị của các công trình mà Công ty đã ký kết với khách hàng thì nhu cầu vốn của Công ty rất lớn vì thế Công ty có kế hoạch sẽ tăng vốn điều lệ trong giai đoạn tới, khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra, Công ty thu hút vốn đầu tư thông qua huy động vốn bằng nguồn đi vay từ các ngân hàng, từ các cá nhân, từ cán bộ công nhân viên.

### **13.3. Căn cứ thực hiện kế hoạch:**

Đưa ra kế hoạch doanh thu và lợi nhuận như trên Công ty căn cứ vào:

***Thứ nhất, căn cứ vào tốc độ phát triển của ngành và nhu cầu sử dụng sản phẩm của ngành trong thời gian tới:***

Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, trong thời gian tới Việt Nam sẽ thu hút được ngày càng nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Những nguồn vốn ngày trực tiếp hoặc gián tiếp sẽ đầu tư vào cơ sở hạ tầng trong nước. Mặt khác nhu cầu cơ sở hạ tầng trong nước cũng không ngừng tăng lên. Những yếu tố này kéo theo một khối lượng công việc lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trong đó có Công ty Cổ phần Sông Đà 27.

***Thứ hai, căn cứ vào tốc độ phát triển của Công ty trong thời gian qua:***




Trong năm 2009 Công ty có mức tăng trưởng khá trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn. Trong năm 2009 nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn do đà suy giảm kinh tế thế giới dẫn tới tốc độ tăng GDP của Việt Nam giảm sút xuống còn 5,32% thấp nhất trong gần 10 năm trở lại đây đã ảnh hưởng xấu tới hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nền kinh tế. Nhưng với chủ trương và đường lối đúng đắn của Ban lãnh đạo Công ty cũng như sự quyết tâm vượt khó của đội ngũ cán bộ công nhân viên đã tạo nên mức tăng trưởng khá tốt thể hiện ở kết quả kinh doanh trong năm 2009. Dự kiến trong các năm tiếp theo dựa vào những nền tảng đã có Công ty tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khoảng 50%/ năm.

***Thứ ba, căn cứ vào các dự án cũng như hợp đồng đang thực hiện:***

Với uy tín của mình trên thương trường, Công ty nhận được ngày càng nhiều những hợp đồng có giá trị kinh tế lớn, hứa hẹn đem lại mức doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty. Bên cạnh đó, công ty còn chủ động tham gia đầu tư vào các lĩnh vực mới như sản xuất nguyên vật liệu hay đầu tư tài chính. Mức lợi nhuận thu được từ những kế hoạch kinh doanh đó chính là những căn cứ xác đáng cho kế hoạch kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

**13.4. Dự án đã được HĐQT phê duyệt**

**Dự án: nhà máy sản xuất gạch Tuynel Vượng Lộc:**

-  Tên dự án: Nhà máy sản xuất gạch Tuynel Vượng Lộc
-  Địa điểm: Xã Vượng Lộc, Huyện Can lộc, Tỉnh Hà Tĩnh
-  Đặc điểm địa lý: Với diện tích xây dựng là 40.000 m<sup>2</sup>, nhà máy được xây dựng tại khu vực đất nông nghiệp cấp 3 có thời gian sử dụng lâu dài. Vị trí địa lý của nhà máy như sau:
  - Phía Bắc giáp với khu ruộng hoang dài 180m
  - Phía Nam giáp đất hoa màu dài 170m
  - Phía Đông giáp với đường cấp phối vào núi, dài 200m
  - Phía Tây giáp với khu đất bỏ hoang

Cách Quốc lộ 1A 0,7km, khu đất được nối với Quốc lộ bằng đường cấp phối rộng 7,5m có sẵn. Như vậy, giao thông tại đây rất thuận tiện cho việc vận chuyển nguyên vật liệu cũng như sản phẩm của nhà máy

✚ Tổng mức vốn đầu tư: 30.595.558.000 đồng

Trong đó:

- Vốn tự có : 8.595.558.000 đồng

- Vốn vay : 22.000.000.000 đồng

✚ Thời gian xây dựng là: bắt đầu là quý II năm 2009

✚ Thời gian hoàn vốn cho dự án là: Dự kiến nhà máy bắt đầu vận hành vào quý II năm 2010 với thời gian hoàn vốn là 7 năm 4 tháng

✚ Công nghệ sử dụng: Nhà máy sử dụng công nghệ tiên tiến đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới là công nghệ chế biến tạo hình dèo, hong phơi tự nhiên trong nhà phơi có mái che, sấy nung liên hợp trong lò Tuynel.

✚ Nguồn nguyên vật liệu cho dự án: Nguyên vật liệu chính cho nhà máy là các loại đất sét đạt tiêu chuẩn Việt Nam về sản xuất gạch. Theo nghiên cứu và quy hoạch nguồn nguyên liệu của sở TN&MT Hà Tĩnh, khu vực nhà máy có đất sét chất lượng tốt và trữ lượng lớn nhất của Tỉnh, diện tích vùng nguyên liệu dự kiến quy hoạch phục vụ nhà máy có diện tích 29ha, với nhu cầu sử dụng nguyên liệu ước tính khoảng 35.300 m<sup>2</sup>/năm thì nguồn cung cấp này có thể đáp ứng nguồn nguyên liệu cho nhà máy hoạt động trong khoảng 30 năm.

✚ Công suất, sản phẩm và thị trường tiêu thụ:

Công suất của nhà máy là 19,5 triệu viên /năm. Dự kiến với công suất hoạt động của nhà máy cùng với sản phẩm của một số nhà máy sản xuất gạch khác trong khu vực sẽ đáp ứng đủ cho 50% nhu cầu gạch chất lượng cao cho tỉnh. Sau khi đi vào hoạt động, sản phẩm của nhà máy sẽ phục vụ nhu cầu xây dựng ở hai khu vực chính với thị phần 70% tiêu thụ tại Thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh, 30% còn lại tiêu thụ tại thị trường Huyện Can Lộc và các vùng phụ cận.

✚ Kế hoạch lợi nhuận từ nhà máy:

**Bảng 24: Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của nhà máy sản xuất gạch Tuynel Vượng Lộc***Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Khoản mục	NT1	NT2	NT3	NT4	NT5	NT6	NT7	NT8	NT9	NT10
1	Doanh thu	18.185	20.610	21.822	23.035	24.247	24.247	24.247	24.247	24.247	24.247
2	Chi phí sản xuất	10.744	11.416	11.751	12.087	12.423	12.423	12.423	12.423	12.423	12.423
3	Thu nhập hoạt	7.441	9.194	10.070	10.974	11.823	11.823	11.823	11.823	11.823	11.823
4	Khấu hao	3.120	3.120	3.120	3.120	3.120	3.120	2.273	2.273	2.273	2.273
5	Thu nhập sau KH	4.321	6.074	6.950	7.827	8.703	8.703	9.550	9.550	9.550	9.550
6	Trả lãi vay	3.699	3.212	2.565	1.832	1.009	0	0	0	0	0
7	Thu nhập chịu	621	2.861	4.385	5.944	7.694	8.703	9.550	9.550	9.550	9.550
8	Thuế thu nhập DN	174	801	1.227	1.678	2.154	2.437	2.674	2.674	2.674	2.674
9	Lợi nhuận ròng	447	2.060	3.157	4.316	5.540	6.266	6.876	6.876	6.876	6.876

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*



🚧 Tiến độ thực tế của dự án: Hiện nay công ty đã đang thi công một số hạng mục cuối cùng của dự án để chuẩn bị cho giai đoạn sản xuất vào quý II/2010.

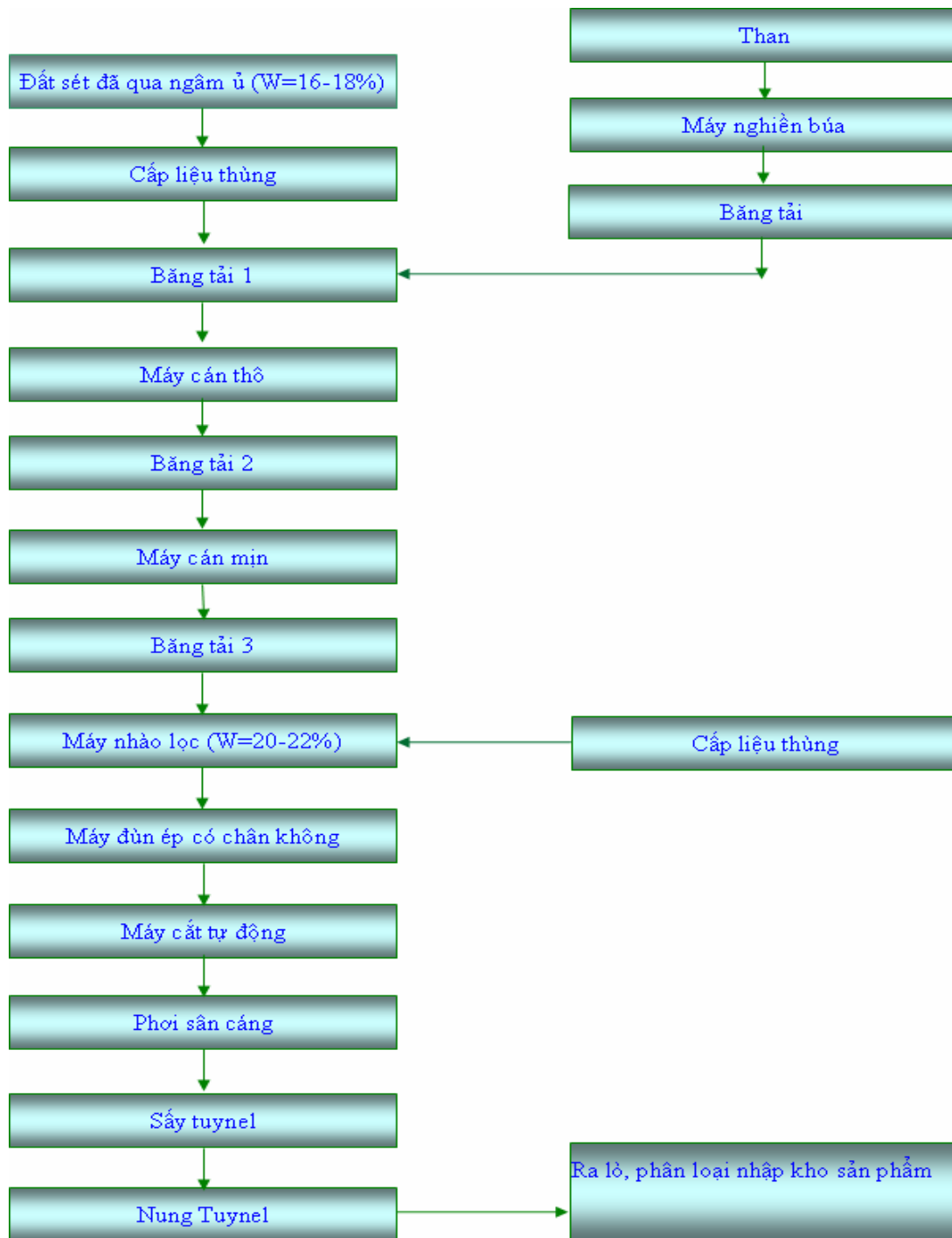
🚧 Đánh giá chung về dự án: Căn cứ vào nhu cầu thực tế về gạch xây và vật liệu xây dựng của thị trường Hà Tĩnh nói riêng và thị trường các tỉnh lân cận nói chung, nguồn đất sét hiện có, điều kiện cơ sở hạ tầng của vùng nguyên liệu và vùng thị trường, năng lực của Công ty Sông Đà 27 thì việc mở nhà máy sản xuất gạch Tuynel tại Can Lộc là một dự án rất khả thi.

🚧 Mô hình nhà máy: Khu sản xuất chiếm đa phần tổng diện tích của khu đất, trong đó khu nhà máy được bố trí ở vị trí thuận tiện nhất, bao gồm các hạng mục chính như: nhà chứa đất nguyên liệu, nhà cầu che băng tải, nhà chứa than, nhà chế biến tạo hình, nhà cơ khí, kho phụ tùng, trục sản xuất, nhà sàng kính phơi gạch mộc, nhà bao che lò nung hầm sấy, trạm biến áp điện. Tổng diện tích để xây dựng nhà máy khoảng 9.000 - 9.500 m<sup>2</sup>. Các hạng mục được bố trí một cách khoa học với quy mô hợp lý đã được tính toán chi tiết, đảm bảo công năng hoạt động và dây chuyền công nghệ của nhà máy, thuận lợi cho hoạt động sản xuất của nhà máy. Công nghệ sản xuất của nhà máy sử dụng là công nghệ tiên tiến đang áp dụng rộng rãi trên Thế giới và tại Việt Nam hiện nay là công nghệ chế biến tạo hình dẻo, hong phơi tự nhiên tổng nhà có mái che, sấy nung liên hợp trong lò Tuynel.

🚧 Sơ đồ công nghệ sản xuất:

Đất sét được khai thác, tập kết về bãi chứa, tại đây được ngâm ủ, phong hoá ít nhất 3 tháng, được máy ủi đưa vào cấp liệu thùng, qua hệ thống cắt thái, đất được cắt thái nhỏ sau đó rơi xuống băng tải cao su để đưa lên các máy gia công chế biến, sau khi đi qua máy đùn hút chân không, sản phẩm được tạo hình xếp lên xe chuyên dùng vận chuyển đem phơi trong nhà kính. Sản phẩm mộc sau khi phơi được vận chuyển và xếp lên xe goòng đưa vào sấy Tuynel, sản phẩm được thực hiện theo nguyên lý sấy diu, sau khi qua lò sấy, độ ẩm gạch mộc giảm còn <3%. Sản phẩm sau khi qua khỏi vùng nung được làm nguội ở cuối lò nhờ hệ thống thu hồi khí nóng và lượng không khí cấp vào lò để phục vụ cho quá trình cháy cùng với hệ thống làm mát sản phẩm. Sau đó sản phẩm được đưa ra lò và phân loại theo tiêu chuẩn kỹ thuật và tập kết vào bãi thành phẩm.

**Sơ đồ 02: Sơ đồ công nghệ sản xuất**



**14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của Công ty**

Dưới góc độ tổ chức tư vấn cho Công ty Cổ phần Sông Đà 27, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt (VSSC) đã thu thập các thông tin cần thiết, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 27 cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của Công ty Sông Đà 27, mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành và thị trường trong các năm tới. VSSC nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 27 có tính khả thi cao nếu không có những biến động lớn ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty Cổ phần Sông Đà 27 cung cấp và các thông tin VSSC thu thập có chọn lọc. Bằng những lý thuyết tài chính và chứng khoán, chúng tôi đưa ra những nhận xét đó mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

**15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của Công ty:** Không có

**16. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng tới giá niêm yết:** Không có

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá** 10.000 đồng/Cổ phần
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết** 1.562.833 cổ phần
4. **Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Công ty**

### **Hạn chế đối với cổ đông sáng lập:**

Công ty thực hiện cổ phần hoá từ năm 2003 và đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/11/2003. Vì vậy, thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực kể từ ngày 18/11/2007.

### **Hạn chế chuyển nhượng của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, , Ban Giám đốc, Kế toán trưởng:**

Quy định về hạn chế chuyển nhượng theo Khoản 1.đ, Điều 8, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ trong 6 tháng đầu	Số cổ phần năm giữ trong 6 tháng tiếp theo
1	Thân Văn Trọng	Chủ tịch HĐQT	38.045	19.022,5
2	Nguyễn Văn Sơn	Ủy Viên HĐQT	-	-
3	Nguyễn Minh Tuấn	Ủy Viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	28.705	+14.352,5

4	Nguyễn Thị Kim	Ủy Viên HDQT, KTT	10.866	5.433
5	Võ Việt Thắng	Ủy Viên HDQT	20.464	10.232
6	Nguyễn Văn Thảo	Tổng Giám đốc	-	-
7	Thân Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	32.174	16.087
8	Nguyễn Hồng Phong	Trưởng BKS	12.503	6.251,5
9	Đậu Trọng Tố	Thành viên	27.954	13.977
10	Đặng Văn Trợ	Thành viên	19.578	9.789

*Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 27*

### 5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ với người nước ngoài

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng.

Điều lệ Công ty không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Hiện nay, Công ty chưa có cổ đông là thể nhân hoặc pháp nhân nước ngoài.

### 6. Phương pháp tính giá

#### **Bảng 25: Giá trị sổ sách cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2009**

*Đơn vị: Đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2009
1	Nguồn vốn chủ sở hữu	19.159.382.042
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	136.283.908
3	Tổng cổ phiếu lưu hành	1.572.833
4	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	12.095

*Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2009*

Theo công thức tính giá trị sổ sách thông thường:

Giá trị sổ sách = (Nguồn vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng phúc lợi)/(Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành)-(cổ phiếu quỹ).

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty không có cổ phiếu quỹ. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 được tính theo công thức:

Giá trị sổ sách = (Nguồn vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng phúc lợi)/(Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành)

## 7. Các loại thuế có liên quan


Công ty áp dụng chính sách thuế theo quy định của Luật thuế hiện hành. Công ty luôn nộp thuế đúng thời hạn quy định.

### Thuế giá trị gia tăng

Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế Hà Tĩnh. Hàng tháng có lập tờ khai thể đầu vào và thuế đầu ra theo đúng quy định. Khi kết thúc năm tài chính đơn vị lập các báo cáo thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

 **Thuế khác:** Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

### 1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Trụ sở chính: Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội  
Điện thoại: 04.39745081/82 Fax: 04.39745083

### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN:



Trụ sở: Tầng 6, 8 Toà nhà CTM 299 Cầu Giấy - Hà Nội  
Điện thoại: 04.22201592 Fax: 04.22201590  
Chi nhánh HCM: Tầng 3 Phòng 3A Tòa nhà Bến Thành TSC, số 186 – 188 Lê  
Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TPHCM  
Điện thoại: 08.38251170/72 Fax: 08.38226918